

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2023/DS-PT
Ngày 07 – 4 – 2023
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 02 và ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 372/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc: Tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 274/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Tuyết M, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Phan Tuyết M: Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 344/2A, Nguyễn D, phường 15, quận 8, Thành phố H (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Dương Thùy V, sinh năm 1983 (Có mặt);

2. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1981 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C ..

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thành C: Ông Trịnh Thanh Liệt, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh Liệt – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Kiều O, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 258E, đường L, phường 8, thành phố C, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Phan Tuyết Phan Tuyết M trình bày:*

Trước đây bà có làm chủ hội nhiều dây hội, quá trình mở hội bà Dương Thùy V và ông Nguyễn Thành C có tham gia nhiều dây hội. Tổng số tiền hội tính đến ngày 28/3/2022, bà V và ông C còn nợ bà là 895.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ do bà V ký tên. Tính đến ngày 02/4/2022, bà V và ông C còn nợ bà thêm số tiền là 45.000.000 đồng; tổng cộng, bà V và ông C còn nợ bà số tiền là 940.000.000 đồng. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông C trả cho bà tổng số tiền còn nợ là 940.000.000 đồng.

- *Theo bà Dương Thùy V trình bày:*

Bà có tham gia hội do bà M làm chủ và có nợ tiền hội của bà M như bà M trình bày, bà có viết biên nhận nợ cho bà M, nhưng bà M cho rằng đã qua bà có trả 2.000.000 đồng là chưa đúng, mà bà có trả cho bà M số tiền 5.000.000 đồng. Việc bà tham gia hội và hót hội là để trả tiền mua đất, để làm vốn nuôi tôm công nghiệp. Bà M chỉ rủ bà tham gia hội chứ không có rủ ông C chồng bà tham gia hội. Khi xảy ra nợ tiền hội, cơ quan có mời bà làm việc, bà thừa nhận có nợ tiền, ông C cũng có trả cho bà Mai 100.000.000 đồng. Đối với tổng số tiền bà M kiện không phải là tiền nợ hội toàn bộ mà có tiền lãi vay của bà Nguyễn Kiều O từ năm 2018. Từ khi bà M kiện bà đến nay, bà không có trả tiền cho bà Mai. Bà tham gia hội của bà M chứ ông C không có liên quan. Bà đồng trả số tiền nợ theo yêu cầu bà M nhưng xin được trả dần; bà M yêu cầu trả mỗi tháng 45.000.000 đồng bà không có khả năng do nuôi tôm công nghiệp thất bại, hơn nữa hiện tại tiền lương hàng tháng của bà không đảm bảo để trả số tiền 45.000.000 đồng.

- *Theo bà Nguyễn Kiều O trình bày:*

Bà Dương Thùy V có nợ tiền vay của bà 100.000.000 đồng, phần tiền lãi bà đóng hội bà Phan Tuyết M, bà không yêu cầu khởi kiện trong vụ án này và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M. Buộc ông Nguyễn Thành C và bà Dương Thùy V cùng liên đới trả cho bà Phan Tuyết M số tiền 940.000.000 đồng.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân cho đến khi bản án có hiệu lực để đảm bảo cho việc thi hành án cho bà Phan Tuyết M.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2022, ông Nguyễn Thành C có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc bà V tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà M; dỡ phong tỏa quyền sử dụng đất đối với phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 8.678m² tọa lạc tại khóm 7, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân đứng tên Nguyễn Thành C ngày 01/4/2022.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư Liệt phát biểu: Cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng về việc tổng đạt văn bản tố tụng cho ông C, ông C không nhận được các văn bản tố tụng, tước đi quyền tham gia hoà giải để trình bày ý kiến của ông C. Ông C và bà V ly thân với nhau từ năm 2015, không còn liên quan đến tiền bạc, làm ăn với nhau. Phần đất mà cấp sơ thẩm ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do ông C đứng tên quyền sử dụng đất, nguồn tiền mua đất là của riêng ông C do hùn nuôi tôm được chia. Khoản nợ mà bà V nợ bà M xác nhận vào năm 2022, nếu bà V có sử dụng nguồn tiền phục vụ cho gia đình thì cũng chỉ cho bà V sau khi đã ly thân, không liên quan đến ông C. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm; nếu không sửa bản án sơ thẩm thì hủy bản án sơ thẩm giao về cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

Ông C thống nhất với phát biểu tranh luận của Luật sư Liệt, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; nếu không sửa bản án sơ thẩm thì yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ông Sang phát biểu: Tại thời điểm giao dịch hui với bà M, ông C và bà V là vợ chồng, thể hiện tại 04 Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân; ông C cũng chuyển trả nợ cho bà M số tiền 120.000.000 đồng thay cho bà V; quyền sử dụng đất mà Tòa án huyện Phú Tân ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là tài sản chung của vợ chồng bà V và ông C. Do đó, kháng cáo của ông C là không có căn cứ, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà M phát biểu: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà V phát biểu: Hiện nay bà V và ông C không còn là vợ chồng, bản án sơ thẩm bà V trình bày chơi hui lấy tiền để mua đất là không đúng, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Tuyết M khởi kiện yêu cầu bà Dương Thuỳ V và ông Nguyễn Thành C trả cho bà M số tiền nợ tiền hui 940.000.000 đồng. Bà V thừa nhận có nợ bà M số tiền hui như trên nhưng cho rằng việc bà V tham gia chơi hui không liên quan đến ông C. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà V và ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền 940.000.000 đồng.

Bà V không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; ông C có đơn kháng cáo cho rằng việc bà V tham gia hui với bà M và phát sinh nợ sau khi ông C và bà V đã ly thân với nhau, đây là nợ riêng của bà V, ông C không liên quan và phần đất mà Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời là tài sản riêng của ông C. Nên yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc bà V tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà M; dỡ phong tỏa quyền sử dụng đất đối với phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 8.678m² tọa lạc tại khóm 7, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân đứng tên Nguyễn Thành C ngày 01/4/2022. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Tại cấp phúc thẩm, ông C có cung cấp biên bản hòa giải ngày 07/8/2015 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Dân vận huyện Phú Tân về mâu thuẫn vợ chồng của ông C để chứng minh từ thời gian này ông C và bà V ly thân với nhau, không còn liên quan đến kinh tế chung của gia đình và tiền bạc, tài sản với nhau. Đồng thời ông C cũng cung cấp Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa ông với bà V ngày 24/10/2022 và các biên nhận ông C nợ của ông Nguyễn Thanh Tùng, ông Hồ Văn Điệp, ông Huỳnh Văn Long, ông Nguyễn Thanh Tuấn, hợp đồng thuê đất vuông của ông Tùng để chứng minh.

[3] Tại nội dung biên bản hòa giải ngày 07/8/2015 thể hiện: Ông C và bà V thống nhất tạm thời ly thân một thời gian để hai bên có điều kiện bình tâm trở lại và tính đến khả năng đoàn tụ sau này. Tại phiên tòa, bà V trình bày sau đó bà V và ông C có trở lại chung sống với nhau. Điều này phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập như đơn khởi kiện của các chủ nợ như ông Nguyễn Thanh Tùng, ông Hồ Văn Điệp, ông Huỳnh Văn Long, ông Nguyễn Thanh Tuấn khởi kiện ông C và bà V:

[3.1] Tại đơn khởi kiện của ông Tùng ngày 18/8/2022 trình bày: Ngày 12/4/2016, ông C và bà V thuê của ông Tùng phần đất diện tích 14.760m² để nuôi tôm công nghiệp, thời hạn thuê 10 năm, giá thuê mỗi năm 130.000.000 đồng. Ông C và bà V chỉ thanh toán được năm thứ nhất, còn nợ lại tiền thuê 05 năm (từ 2018 đến 2022) là 650.000.000 đồng. Ngoài ra, ông C và bà V còn mượn của ông Tùng số tiền 100.000.000 đồng để thả tôm giống và năm 2019 ông C và bà V còn mượn thêm của ông Tùng số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng, ông C và bà V nợ ông Tùng số tiền là 850.000.000 đồng (có kèm theo biên nhận nợ).

[3.2] Tại đơn khởi kiện của ông Điệp ngày 29/8/2022 trình bày: Năm 2020, ông C và bà V mượn của ông số tiền 200.000.000 đồng; đến ngày 22/02/2021 dl, ông C và bà V mượn thêm của ông Điệp số tiền 250.000.000 đồng để mua vật tư, bạt để làm mới đầm tôm công nghiệp; tổng cộng, ông C và bà V mượn của ông Điệp số tiền 450.000.000 đồng.

[3.3] Tại đơn khởi kiện của ông Long ngày 14/10/2022 trình bày: Ngày 01/02/2016 dl, ông C và bà V vay của ông Long số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng. Ông C và bà V còn nợ ông tiền vốn 600.000.000 đồng và tiền lãi 478.000.000 đồng; tổng cộng vốn, lãi là 1.078.000.000 đồng.

[3.4] Tại đơn khởi kiện của ông Tuấn ngày 13/10/2022 trình bày: Ngày 10/5/2020 dl, ông C và bà V vay của ông Tuấn số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất

1,2%/tháng. Ông C và bà V còn nợ ông Tuấn tiền vốn 500.000.000 đồng và tiền lãi 174.000.000 đồng; tổng cộng vốn, lãi là 674.000.000 đồng.

[3.5] Ông C và bà V thừa nhận nợ và đồng ý trả số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông Tùng, ông Điệp, ông Long, ông Tuấn và được Tòa án nhân dân huyện Phú Tân ra Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án.

[4] Trong khi đó, các lần bà V hót hụi và bà M giao tiền hụi cho bà V vào các ngày 16/7/2018dl, ngày 15/8/2019 dl, 15/9/2019 dl, ngày 10/12/2019 dl, ngày 15/11/2019 dl; biên nhận nợ ngày 28/3/2022dl thể hiện tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2022dl là 895.000.000 đồng là trong thời gian ông C và bà V chung sống lại với nhau và phát sinh nợ chung đối với ông Tùng, ông Điệp, ông Long, ông Tuấn. Do đó, lời trình bày của ông C cho rằng khoản tiền nợ của bà M là trong thời gian ông C và bà V ly thân với nhau là không có cơ sở.

[5] Tại cấp sơ thẩm, bà V cũng trình bày: Quá trình nợ hụi, cơ quan có mời bà V làm việc, bà V thừa nhận có nợ tiền, ông C cũng có trả cho bà M 100.000.000 đồng. Như vậy, ông C biết việc bà V tham gia hụi và nợ tiền hụi bà M; nếu ông C cho rằng đây là nợ riêng của bà V, không liên quan đến ông C nhưng vì sao ông C lại trả nợ cho bà M.

[6] Đối với các biên nhận ông C nợ của ông Tùng, ông Long, ông Điệp, ông Tuấn và hợp đồng thuê đất vuông của ông Tùng do Luật sư bảo vệ cho ông C cung cấp vào ngày 06/4/2023 xét thấy là có mâu thuẫn, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ tại 04 hồ sơ khởi kiện của ông Tùng, ông Long, ông Điệp, ông Tuấn đối với ông C và bà V tại Tòa án huyện Phú Tân mà cấp phúc thẩm đã thu thập, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Như vậy, ông C và bà V có mối quan hệ là vợ chồng, việc bà V tham gia chơi hụi và phát sinh nợ trong thời kỳ hôn nhân của bà V với ông C còn đang tồn tại. Khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này”. Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: “... 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ...”.

[8] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà V thừa nhận bà V tham gia hụi của bà M, hót hụi để trả tiền mua đất, để làm vốn nuôi tôm công nghiệp. Như vậy, bà V sử dụng tiền hót hụi vào mục đích để phục vụ phát triển kinh tế gia đình của bà V và ông C. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông C và bà V, buộc ông C và bà V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà M là có căn cứ.

[9] Đối với quyền sử dụng đất đối với phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 8.678m² tọa lạc tại khóm 7, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân đứng tên Nguyễn Thành C ngày 01/4/2022 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 18/8/2022, xét thấy: Mặc

dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên, ông C cho rằng là tài sản riêng của ông C không phải là tài sản chung của vợ chồng ông C và bà V. Tuy nhiên, do ông C là người có nghĩa vụ liên đới với bà V để trả nợ cho bà M, nên cho dù đây là tài sản riêng của ông C đi chăng nữa thì việc Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ. Do đó, cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C: Ông C có địa chỉ cư trú tại khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C theo địa chỉ cư trú khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm; nhưng khi tổng đạt, ông C không có mặt tại nơi cư trú, cán bộ tổng đạt có lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng cho ông C, có chính quyền địa phương xác nhận và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Như vậy, việc niêm yết các văn bản tố tụng tổng đạt cho ông C là hợp lệ. Hơn nữa, sau khi xét xử sơ thẩm ông C có đơn kháng cáo nhưng cũng không đặt ra việc ông C không nhận được văn bản tố tụng do Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt cũng như việc tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đối với ông C. Do đó, đề nghị của Luật sư và yêu cầu của ông C và bà V hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[11] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông C phải chịu theo quy định.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M.

Buộc ông Nguyễn Thành C và bà Dương Thùy V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Tuyết M số tiền 940.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà V và ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2022/QĐ-BPKCTT ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân để đảm bảo cho việc thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành C và bà Dương Thùy V phải chịu 40.200.000 đồng. Bà Phan Tuyết M không phải chịu án phí. Bà M đã dự nộp 20.100.000 đồng theo Biên lai số 0017813 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14/10/2022, ông C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018293 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được đối trừ chuyển thu án phí .

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập